

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2021-2022

I. MÔN GDCD 10 (Số câu: 40, Hình thức làm bài: Trắc nghiệm, Thời gian làm bài: 45 phút)

Chủ đề / bài	Nhận biết (40%)	Thông hiểu (30 %)	Vận dụng mức độ thấp (20%)	Vận dụng mức độ cao (10%)
<p>CHỦ ĐỀ 1: Sự vận động và phát triển của thế giới vật chất. 1. Chất. 2. Lượng. 3. Quan hệ giữa sự biến đổi về lượng và sự biến đổi về chất 4. Phủ định biện chứng và phủ định siêu hình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được KN chất và lượng của sự vật và hiện tượng. - Biết được mối quan hệ biện chứng giữa sự biến đổi về lượng và sự biến đổi về chất. - Nêu được KN phủ định, phủ định biện chứng và phủ định siêu hình 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được sự khác nhau giữa chất và lượng, sự biến đổi của lượng và chất. - Liệt kê được sự khác nhau giữa phủ định biện chứng với phủ định siêu hình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức kiên trì trong học tập và rèn luyện, không coi thường việc nhỏ, tránh các biểu hiện nôn nóng trong cuộc sống. - Phê phán phủ định sạch trơn quá khứ hoặc kế thừa có chọn lọc với cái cũ, ủng hộ cái mới, cái tiến bộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống.
<p>Số câu: 20 Số điểm: 5,0 Tỉ lệ: 50 %</p>	<p>Số câu: 8 Số điểm: 2,0 Tỉ lệ: 20%</p>	<p>Số câu: 6 Số điểm: 1,5 Tỉ lệ: 15%</p>	<p>Số câu: 4 số điểm: 1,0 Tỉ lệ: 10%</p>	<p>Số câu: 2 Số điểm: 0,5 Tỉ lệ: 5%</p>
<p>Bài 7: Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức 1. Thế nào là nhận thức 2. Thực tiễn là gì 3. Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ thực tiễn là gì? Các hình thức cơ bản của thực tiễn. - Thực tiễn có vai trò như thế nào đối với nhận thức. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được sự khác nhau giữa nhận thức cảm tính với nhận thức lí tính. - Nêu được các ví dụ về các hoạt động thực tiễn, về vai trò của nhận thức. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức tìm hiểu thực tế và vận dụng những điều đã học vào cuộc sống hàng ngày phù hợp với lứa tuổi. 	<ul style="list-style-type: none"> -Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống cho phù hợp.
<p>Số câu: 10 Số điểm: 2,5</p>	<p>Số câu: 4 Số điểm: 1,0</p>	<p>Số câu: 3 Số điểm: 0.75</p>	<p>Số câu: 2 Số điểm: 0,5</p>	<p>Số câu: 1 Số điểm: 0,25</p>

<i>Tỉ lệ: 25%</i>	<i>Tỉ lệ: 10%</i>	<i>Tỉ lệ: 7,5%</i>	<i>Tỉ lệ: 5%</i>	<i>Tỉ lệ: 2,5%</i>
Bài 9: Con người là chủ thể của lịch sử và là mục tiêu phát triển của xã hội 2. Con người là mục tiêu của sự phát triển xã hội a. Vì sao nói con người là mục tiêu của sự phát triển xã hội	- Hiểu rõ vì sao con người là mục tiêu của sự phát triển xã hội	- Hiểu được nhân loại phải đấu tranh chống lại các yếu tố gây hại đến con người như: chiến tranh khủng bố...mạng lại hạnh phúc cho con người.	Biết quý trọng cuộc sống của mình, tôn trọng mọi người, mong muốn góp sức vào sự phát triển của cộng đồng, xã hội.	Vận dụng kiến thức đã học lựa chọn phương án xử lí tình huống cho phù hợp
<i>Số câu: 10</i> <i>Số điểm: 2,5</i> <i>Tỉ lệ: 25 %</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Số điểm: 1,0</i> <i>Tỉ lệ: 10%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Số điểm: 0,75</i> <i>Tỉ lệ: 7,5%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>số điểm: 0,5</i> <i>Tỉ lệ: 5%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm: 0,25</i> <i>Tỉ lệ: 2,5%</i>
Tổng cộng Số câu: 40 Số điểm: 10 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 16 Số điểm: 4,0 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 12 Số điểm: 3,0 Tỉ lệ: 30%	Số câu: 8 Số điểm: 2,0 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 4 Số điểm: 1,0 Tỉ lệ: 10%

II. MÔN GDCD 11 (*Số câu: 40, Hình thức làm bài: Trắc nghiệm, Thời gian làm bài: 45 phút*)

Tên chủ đề/ bài	Nhận biết (40%)	Thông hiểu (30 %)	Vận dụng mức độ thấp (20%)	Vận dụng mức độ cao (10%)
Chủ đề 1: Các quy luật cơ bản trong sản xuất và lưu thông hàng hóa 1. Cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh. 2. a.Mục đích cạnh tranh 3. Tính 2 mặt của cạnh tranh 4. Khái niệm cung, cầu. 5. Mối quan hệ cung- cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. 6. Vận dụng quan hệ cung cầu.	- Nêu được khái niệm cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh. - Nêu được khái niệm cung, cầu.	- Hiểu mục đích của cạnh tranh, tính hai mặt của cạnh tranh. - Nhận xét được vài nét về tình hình cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa ở địa phương. - Hiểu nội dung mối quan	- Ủng hộ các biểu hiện tích cực, phê phán các biểu hiện tiêu cực của cạnh tranh trong sản xuất, lưu thông hàng hóa. - Phân biệt được cung, cầu trong sản xuất và lưu	-Vận dụng kiến thức về cạnh tranh để giải thích các hiện tượng kinh tế, - Phát huy mặt tích cực để sau này tham gia hoạt động kinh tế. - Vận dụng kiến thức để giải thích các

		hệ cung, cầu. Vận dụng quan hệ cung cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.	thông hàng hóa.	tình huống mới quan hệ cung cầu trong thực tiễn.
<i>Số câu 20</i> <i>Số điểm :5,0</i> <i>Tỉ lệ: 50%</i>	<i>Số câu: 8</i> <i>Số điểm: 2,0</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 6</i> <i>Số điểm: 1,5</i> <i>Tỉ lệ: 15%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Số điểm: 1,0</i> <i>Tỉ lệ: 10%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm: 0,5</i> <i>Tỉ lệ: 5%</i>
Bài 6 : Công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước. 1. Khái niệm, tính tất yếu khách quan CNH, HĐH. 2. Nội dung cơ bản CNH, HĐH. 3. Trách nhiệm công dân đối với sự nghiệp CNH, HĐH.	- Nêu được khái niệm CNH, HĐH và tính tất yếu khách quan, tác dụng CNH,HĐH.	- Hiểu nội dung cơ bản của CNH, HĐH.	- Nêu cao trách nhiệm của bản thân trong sự nghiệp CNH, HĐH.	- Vận dụng kiến thức để giải thích các tình huống.
<i>Số câu : 10</i> <i>Số điểm : 2,5</i> <i>Tỉ lệ: 25%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Số điểm: 1,0</i> <i>Tỉ lệ: 10%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Số điểm: 0,75</i> <i>Tỉ lệ: 7,5%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm: 0,5</i> <i>Tỉ lệ: 5%</i>	<i>Số câu : 1</i> <i>Số điểm: 0,25</i> <i>Tỉ lệ: 2,5%</i>
Chủ đề 2: Xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần và quá độ đi lên CNXH ở Việt Nam 1. Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần. a. Khái niệm, tính tất yếu b. Các thành phần kinh tế. c. Trách nhiệm công dân	- Nêu được khái niệm thành phần kinh tế và tính tất yếu khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần.	- Hiểu khái niệm, nội dung, vai trò của các thành phần kinh tế.	- Phân biệt được các thành phần kinh tế hiện nay.	- Vận dụng kiến thức để giải thích các hoạt động kinh tế.
<i>Số câu TN: 10</i> <i>Số điểm :2,5</i> <i>Tỉ lệ: 25%</i>	<i>Số câu :4</i> <i>Số điểm : 1,0</i> <i>Tỉ lệ: 10%</i>	<i>Số câu : 3</i> <i>Số điểm: 0,75</i> <i>Tỉ lệ: 7,5%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm: 0,5</i> <i>Tỉ lệ: 5%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm: 0,25</i> <i>Tỉ lệ: 2,5%</i>
Tổng cộng <i>Số câu TN: 40</i> <i>Tổng điểm:10</i> <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu TN: 16</i> <i>Số điểm : 4,0</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	<i>Số câu TN: 12</i> <i>Số điểm: 3.0</i> <i>Tỉ lệ: 30%</i>	<i>Số câu TN: 8</i> <i>Số điểm: 2,0</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu TN: 4</i> <i>Số điểm: 1,0</i> <i>Tỉ lệ: 10%</i>

III. MÔN GDCD 12 (Số câu: 40, Hình thức làm bài: Trắc nghiệm, Thời gian làm bài: 45 phút)

Tên bài/ chủ đề	Nhận biết (40%)	Thông hiểu (30 %)	Vận dụng mức độ thấp (20%)	Vận dụng mức độ cao (10%)
<p>Chủ đề: Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội. 1. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình. 2. Bình đẳng trong lao động. 3. Bình đẳng trong kinh doanh.</p>	- Nắm được khái niệm, nội dung quyền bình đẳng của công dân trong lĩnh vực HN &GD, lao động và kinh doanh	- Biết phân biệt và nhận xét việc thực hiện đúng hay sai quyền bình đẳng của công dân trong lĩnh vực HN &GD, lao động và kinh doanh	- Có ý thức thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong lĩnh vực HN &GD, lao động và kinh doanh	- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống
<i>Số câu: 14 Số điểm: 3,5 Tỉ lệ: 35 %</i>	<i>Số câu: 5 Số điểm: 1,25 Tỉ lệ: 12,5%</i>	<i>Số câu: 4 Số điểm: 1,0 Tỉ lệ: 10%</i>	<i>Số câu: 3 số điểm: 0,75 Tỉ lệ: 7,5%</i>	<i>Số câu: 2 Số điểm: 0,5 Tỉ lệ: 5%</i>
<p>BÀI 5: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo 1. Bình đẳng giữa các dân tộc. 2. Bình đẳng giữa các tôn giáo.</p>	- Nêu được khái niệm, nội dung, ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo	- Phân biệt được việc làm đúng hay sai trong việc thực hiện quyền BĐ giữa các dân tộc, tôn giáo	- Biết xử lí các tình huống phù hợp với quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo	
<i>Số câu: 12 Số điểm 3,0 Tỉ lệ: 30 %</i>	<i>Số câu: 6 Số điểm: 1,5 Tỉ lệ: 15%</i>	<i>Số câu: 4 Số điểm: 1,0 Tỉ lệ: 10%</i>	<i>Số câu: 2 Số điểm: 0,5 Tỉ lệ: 5%</i>	
<p>Bài 6 : Công dân với các quyền tự do cơ bản 1. Các quyền tự do cơ bản của công dân. a. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể công dân. b. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm</p>	- Nêu được khái niệm, nội dung các quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân.	- Phân biệt được những hành vi thực hiện đúng và hành vi xâm phạm quyền tự do của công dân	- Áp dụng các quyền này trong cuộc sống bảo vệ quyền và lợi ích của mình khi bị xâm phạm	- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống cho phù hợp với quy định của pháp luật
<i>Số câu: 14 Số điểm: 3,5 Tỉ lệ: 35%</i>	<i>Số câu: 5 Số điểm: 1,25 Tỉ lệ: 12,5%</i>	<i>Số câu: 4 Số điểm: 1.0 Tỉ lệ: 10%</i>	<i>Số câu: 3 Số điểm: 0,75 Tỉ lệ: 7,5%</i>	<i>Số câu: 2 Số điểm: 0,5 Tỉ lệ: 5%</i>

Tổng cộng Số câu: 40 Số điểm: 10 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 16 Số điểm: 4,0 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 12 Số điểm: 3,0 Tỉ lệ: 30%	Số câu: 8 Số điểm: 2,0 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 4 Số điểm: 1,0 Tỉ lệ: 10%
---	---	---	--	--